

Số: 1347/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 30 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1307/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1990

Thường trú: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa

Tạm trú: 10/17 đường số X, khu phố Y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Thường trú: xã M, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

Tạm trú: 28 đường số X, khu phố Y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/12/2020, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn (Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2015, quyển số 01/2015, do Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 07/12/2015).

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H có 01 (một) con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 13/02/2017.

Hai bên thống nhất giao con chung cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 đồng, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/12/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tuệ N, sinh ngày 13/02/2017 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058407 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND phường N, thị xã N,  
tỉnh Khánh Hòa;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Trần Quốc Lưu**